

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

Hà Nội, năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH	1
1.1. Giới thiệu chương trình	1
1.2. Thông tin chung về chương trình	1
1.3. Triết lý đào tạo.....	1
1.4. Mục tiêu đào tạo	2
1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh	2
1.6. Hình thức đào tạo	2
1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá	2
1.8. Điều kiện tốt nghiệp	3
1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp	3
PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH	4
2.1. Kiến thức	4
2.2. Kỹ năng	4
2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm	5
2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra	5
PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH	6
3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình.....	6
3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức	6
3.3. Khung chương trình.....	7
3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra	7
3.5. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ.....	34
3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần	34
3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình	43
3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình	55
3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình	55

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH

1.1. Giới thiệu chương trình

Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội được xây dựng khoa học, hiện đại, toàn diện, theo hướng ứng dụng thực tiễn và quốc tế hoá trên cơ sở tham khảo chương trình đào tạo về Logistics của các trường Đại học, Viện nghiên cứu, Hiệp hội Logistics hàng đầu thế giới cũng như các trường đại học uy tín trong nước. Sinh viên theo học chương trình được tham quan, khảo sát thực tế từ năm học thứ nhất và thực tập nghề nghiệp từ năm thứ hai tại các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng với sự hướng dẫn trực tiếp của giảng viên và chuyên gia. Đồng thời, sinh viên thường xuyên được cung cấp các thông tin tuyển dụng, kết nối với các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp, tạo cơ hội việc làm trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

1.2. Thông tin chung về chương trình

- Tên chương trình:
 - Tiếng Việt: **Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng**
 - Tiếng Anh: **Logistics and Supply Chain Management**
- Trình độ đào tạo: **Đại học**
- Ngành đào tạo: **Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng**
- Mã số: **7510605**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - Tiếng Việt: **Cử nhân Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng**
 - Tiếng Anh: **Bachelor of Logistics and Supply Chain Management**
- Thời gian ban hành chương trình:
- Thời gian rà soát, sửa đổi chương trình gần nhất:
- Kiểm định chương trình: Chưa kiểm định

1.3. Triết lý đào tạo

Triết lý đào tạo của ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng là “Chia sẻ - kết nối- huấn luyện”, chúng tôi tin tưởng tạo ra nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội. Tâm huyết của chúng tôi là chia sẻ mọi kiến thức mà chúng tôi có, kết hợp lý luận và thực tiễn, kết nối giữa nhà trường và đơn vị sử dụng lao động ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, cập nhật những kiến thức mới phù hợp xu thế phát triển, hợp tác với chuyên gia uy tín trong ngành để tạo cơ hội cho người học đảm bảo sau khi ra trường đáp ứng tốt yêu cầu của xã hội.

1.4. Mục tiêu đào tạo

1.4.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng cũng như ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để thực hiện các công việc trong ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của nền kinh tế; đồng thời có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.4.2. Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân Logistics và quản lý chuỗi cung ứng đạt được các mục tiêu cụ thể sau:

- a) Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, có sức khỏe tốt để phát triển sự nghiệp cá nhân và xây dựng đất nước.
- b) Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật; Có kiến thức nền tảng về kinh tế và quản trị kinh doanh; Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu và thực tiễn về Logistics và quản lý chuỗi cung ứng để vận dụng giải quyết các công việc chuyên môn.
- c) Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- d) Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức độ hiểu, diễn đạt, xử lý được những tình huống thường gặp trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
- e) Có năng lực tự chủ trong công việc, tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có tinh thần trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm với cộng đồng và xã hội;
- g) Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

1.5. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo; của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội theo từng năm.

1.6. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.7. Phương pháp giảng dạy, học tập và đánh giá

Các phương pháp dạy và học chủ yếu trong thực hiện chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng là phương pháp thuyết trình; phát vấn; thảo luận; làm việc nhóm; tự học có hướng dẫn.

Mỗi học phần được đánh giá bởi hình thức khác nhau, chủ yếu là bằng hình thức thi tự luận. Đối với một số học phần như tham quan nhận thức, thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp được đánh giá bởi hình thức báo cáo hoặc bài tập lớn.

1.8. Điều kiện tốt nghiệp

Được thực hiện theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy định hiện hành của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

1.9. Cơ hội việc làm và khả năng học tập nâng cao trình độ sau tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp và đạt chuẩn đầu ra ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có thể làm việc phù hợp và tốt ở các bộ phận, công việc sau:

- Các bộ phận có liên quan đến hoạt động logistics và chuỗi cung ứng của các loại hình doanh nghiệp trong và ngoài nước, cơ quan quản lý nhà nước các cấp, của ngành và địa phương;
- Các bộ phận của ngành hải quan có liên quan về giao nhận vận tải;
- Các bộ phận nghiệp vụ như quản lý kho hàng, xuất nhập khẩu, giao nhận vận tải... ở các doanh nghiệp/ tổ chức cung cấp dịch vụ logistics, sử dụng dịch vụ hoặc có hoạt động logistics trong nước và quốc tế.
- Nghiên cứu viên, chuyên gia tư vấn và giảng dạy về logistics & quản lý chuỗi cung ứng ở các Viện nghiên cứu, các Học viện, trường Đại học và Cao đẳng.
- Tự thành lập doanh nghiệp/ trung tâm về dịch vụ logistics hoặc liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Kiến thức

** Kiến thức chung:*

2.1.1. Hiểu và áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật, công nghệ thông tin, để giải quyết các vấn đề trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

** Kiến thức chuyên môn:*

2.1.2. Hiểu và áp dụng được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.

2.1.3. Áp dụng kiến thức nền tảng và chuyên sâu về Logistics để khai thác các nguồn lực cũng như giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh.

2.1.4. Áp dụng kiến thức cốt lõi liên quan đến hoạt động của chuỗi cung ứng như lập kế hoạch vận tải hàng hóa, dịch vụ vận tải, kho bãi, xuất nhập khẩu, hải quan,... để giải quyết các vấn đề trong quản lý chuỗi cung ứng.

2.2. Kỹ năng

** Kỹ năng chung:*

2.2.1. Năng lực ngoại ngữ và tin học:

Ngoại ngữ (Tiếng Anh): Sinh viên phải đạt được một trong các điều kiện dưới đây:

+ Đạt chuẩn bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (tương đương bậc B1 theo khung tham chiếu chung Châu Âu) do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch.

+ Đạt chuẩn bậc B1 tiếng Anh do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép hoặc tương đương theo khung tham chiếu dưới đây:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
B1	4.5	450	450	133	45	PET	3

Tin học: Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép.

** Kỹ năng chuyên môn:*

2.2.2. Thực hiện tổng hợp tài liệu, đánh giá, phân tích, phản biện, nhận biết vấn đề trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

2.2.3. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, vận hành và quản lý hệ thống sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

2.2.4. Thực hiện các bước công việc trong công tác tài chính, kế toán, công tác quản trị, các nghiệp vụ kinh doanh cụ thể.

2.2.5. Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng phát triển nghề nghiệp khác.

2.2.6. Thực hiện thu thập, xử lý thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng

2.2.7. Thực hiện được kỹ năng quản lý và lãnh đạo.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Tổ chức làm việc theo nhóm hoặc làm việc độc lập trong điều kiện làm việc thay đổi,

2.3.2. Hành động có trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và xã hội.

2.3.3. Duy trì khả năng học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn hoặc phát triển sang các ngành đào tạo khác thuộc khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý.

2.3.4. Đề xuất ý tưởng kinh doanh và tổ chức hoạt động khởi nghiệp.

2.4. Ma trận đáp ứng mục tiêu đào tạo của chuẩn đầu ra

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO					
		a	b	c	d	e	g
Kiến thức	2.1.1	x	x				
	2.1.2		x				
	2.1.3		x				
	2.1.4		x				
Kỹ năng	2.2.1				x		
	2.2.2			x			
	2.2.3			x			
	2.2.4			x			
	2.2.5			x			
	2.2.6			x			
	2.2.7			x			
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	2.3.1					x	
	2.3.2	x				x	
	2.3.3						x
	2.3.4					x	x

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

3.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	133	Tỉ trọng (%)
Trong đó:		
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)	35	26
+ Các học phần chung:	19	14
+ Các học phần bắt buộc của Trường:	4	3
+ Các học phần của ngành	12	9
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	98	74
• Kiến thức cơ sở ngành	14	11
+ Bắt buộc:	14	11
+ Tự chọn:	0	0
• Kiến thức ngành	54	42
+ Bắt buộc:	39	31
+ Tự chọn:	15	11
• Kiến thức chuyên ngành	18	13
+ Bắt buộc:	18	13
+ Tự chọn:	0	0
• Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp	12	9

3.2. Ma trận đáp ứng chuẩn đầu ra của các khối kiến thức

KHỐI KIẾN THỨC	CHUẨN ĐẦU RA														
	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
- Kiến thức giáo dục đại cương	3	2	-	-	3	-	-	-	1	1	-	1	2	-	-
- Kiến thức cơ sở ngành	1	3	-	-	1	1	1	2	1	1	2	2	2	1	-
- Kiến thức ngành	-	3	2	2	2	2	2	3	3	2	3	3	3	2	1
- Kiến thức chuyên ngành	-	-	3	3	1	3	3	2	2	3	3	3	3	3	2
- Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp	-	-	3	3	1	3	3	2	2	3	2	3	3	3	3
- Kiến thức không tích lũy	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

3.3. Khung chương trình

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết;

- TH, TT: Thực hành, Thực tập.

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
I	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG		35					
1.1	Các học phần chung		19					
1	LCML101	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần Triết học Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là học phần tiên quyết, trang bị thế giới quan và phương pháp luận làm tiền đề cho việc học tập các học phần lý luận chính trị tiếp theo. Nội dung học phần gồm 3 chương, ngoài khái quát những tri thức chung về triết học, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.	45		90	
2	LCML102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc các môn Lý luận chính trị trong giáo dục đại học, cung cấp những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, góp phần xây dựng và củng cố nền tảng tư duy kinh tế, lập trường chính trị, phương pháp học tập, nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu của đất nước hiện nay.	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
3	LCML103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	<p>Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là tiền đề cho hai học phần tiếp theo là Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.</p> <p>Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p>	30		60	
4	LCLS101	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	<p>Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị;</p> <p>Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng</p>	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.				
5	LCTT101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.	30		60	
6	NNTA101	Tiếng Anh 1	3	Học phần “ <i>Tiếng Anh 1</i> ” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
7	NNTA102	Tiếng Anh 2	3	Học phần “ <i>Tiếng Anh 2</i> ” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu... và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch... ở mức độ tiền trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiền trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.	45		90	
8	NNTA103	Tiếng Anh 3	2	Học phần “ <i>Tiếng Anh 3</i> ” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch.				
				Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn: * Phần bắt buộc (3TC) (1) Thể dục (1TC): Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản trong công tác giáo dục thể chất (nhiệm vụ và chức năng của sinh viên, các hình thức giáo dục thể chất trong trường đại học; cấu trúc cơ bản của vận động thông qua một số bài thể dục cơ bản, giúp cho SV có được tư thế tác phong nhằm chuẩn mực hóa kỹ năng vận động và nâng cao thể lực. (2) Điền kinh 1 (1TC) và Điền kinh 2 (1TC): Nội dung học phần bao gồm: Các kiến thức cơ bản trong môn chạy cự ly trung bình, cự ly ngắn và môn nhảy cao, phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài điền kinh. (3) Phần tự chọn (1TC): SV chọn một trong các môn học sau: Bóng chuyền, Cầu lông, Bóng rổ, Bơi lội, Bóng đá, Đá cầu, Thể dục Aerobic.				
		Giáo dục thể chất	4					
				Bao gồm 4 học phần: Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng – an ninh; Quân sự chung, Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật.				
		Giáo dục quốc phòng-an ninh	9					
1.2	Các học phần bắt buộc của Trường		6					
9	LCPL101	Pháp luật đại cương	2	Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức đại cương của tất cả các chuyên	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				ngành đào tạo trong trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật; những nội dung về các ngành luật cơ bản và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Sau khi kết thúc học phần, người học iết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế.				
10	CTKU101	Tin học đại cương	2	Học phần “ <i>Tin học đại cương</i> ” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương gồm các kiến thức cơ bản về tin học và công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu khái niệm hệ điều hành, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.	21	9	60	
1.3	Các học phần của ngành		12					
11	KTKH101	Kinh tế vi mô	3	Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; Phân tích những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.				
12	KTKH102	Kinh tế vĩ mô	3	Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế học vĩ mô (Macroeconomic) là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.				
13	KĐTO105	Toán kinh tế	2	Học phần “ <i>Toán kinh tế</i> ” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về: đại số, giải tích, ứng dụng và ý nghĩa của chúng trong phân tích kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác	30		60	
14	KTKH103	Kinh tế số	2	Học phần Kinh tế số cung cấp cho sinh viên những đặc trưng cơ bản của kinh tế số và các vấn đề liên quan đến nó, các ứng dụng của kinh tế thông tin trong các lĩnh vực số khác nhau, các thành phần cốt lõi của kinh tế số là kinh tế dữ liệu, quyền sở hữu trí tuệ và công nghệ chuỗi khối. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu các đặc trưng nền tảng kinh tế và thị trường song song phát sinh trong lĩnh vực số, nghiên cứu cơ bản về bán hàng trực tuyến và thương mại điện tử, quyền sở hữu trí tuệ trong kinh tế đổi mới và công nghệ mới chuỗi khối.	30		60	
15	KTKD101	Khởi sự kinh doanh	2	Học phần cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản bao gồm: Khái niệm kinh doanh, khởi sự kinh doanh, phương thức, quy trình và chiến lược khởi sự kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh. Ứng dụng các lý thuyết về khởi sự để phân tích, đánh giá, tạo lập doanh nghiệp và triển khai	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				hoạt động kinh doanh				
II	KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP		98					
2.1	Kiến thức cơ sở ngành		14					
16	KTKE101	Nguyên lý kế toán	3	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản. - Đối tượng nghiên cứu của kế toán. - Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối. - Các quá trình kinh doanh chủ yếu. - Các hình thức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán. Học phần này là tiền đề để người học có thể nghiên cứu các học phần tiếp theo trong chương trình đào tạo	45		90	
17	KTKD105	Quản trị học	3	Học phần cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản bao gồm: Khái niệm quản trị, nhà quản trị và các kỹ năng của nhà quản trị. Ứng dụng các lý thuyết về môi trường quản trị dùng để phân tích, đánh giá phục vụ ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra	45		90	
18	KTKT101	Tài chính tiền tệ	2	Tài chính tiền tệ là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo đại học. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...				
19	KTKD111	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	2	Học phần Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp giúp người học khái quát hóa được các vấn đề chung về đạo đức trong kinh doanh và văn hóa trong môi trường doanh nghiệp; Học phần giúp cho người học trang bị những kiến thức về xây dựng đạo đức kinh doanh, xây dựng văn hoá ứng xử trong doanh nghiệp nhằm tạo lập bản sắc văn hóa doanh nghiệp, xây dựng phong cách quản lý, định hướng đạo đức để áp dụng vào trong thực tiễn tại doanh nghiệp hiệu quả hơn.	30		60	
20	KTKD171	Quản trị chất lượng	2	Học phần cung cấp những kiến thức tổng quát về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm; Các phương pháp quản lý chất lượng; Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng; Các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; Phương pháp quản lý chất lượng toàn diện – TQM; Quản lý chất lượng trong một số loại hình doanh nghiệp. Từ đó người học có thể vận dụng kiến thức về quản lý chất lượng vào công việc thực tế, nâng cao chất lượng, uy tín cho doanh nghiệp.	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
21	KTKH104	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh. Học phần giới thiệu tổng quan về nghiên cứu trong kinh doanh; xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu trong kinh doanh; xây dựng thang đo và thiết kế bảng hỏi; chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu; xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu; đồng thời học phần còn trang bị kiến thức về trình bày báo cáo nghiên cứu, giúp người học vận dụng vào các nghiên cứu trong thực tiễn.	30		60	
2.2	Kiến thức ngành		54					
2.2.1	Các học phần bắt buộc		39					
22	KTKH105	Logistics căn bản	3	Học phần Logistics căn bản cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Logistics, lập kế hoạch sản xuất, cung ứng vật tư. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên các thông tin về vận tải, dự trữ, cung cấp các thông tin về các mô hình quản trị dự trữ, và kho bãi và dịch vụ khách hàng. Trong quá trình học, sinh viên được thực hành và luyện tập thông qua tiết thảo luận ở trên lớp.	45		90	
23	KTKH106	Quản lý kho hàng bến bãi	3	Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về những vấn đề chung về quản lý kho hàng bến bãi; hoạt động trong việc tổ chức xếp dỡ tại kho hàng bến bãi; các nguyên tắc, quy tắc và kỹ thuật xếp dỡ hàng hoá; các công việc trong nhập hàng và xuất hàng tại kho hàng bến bãi; các hoạt động quản lý hành chính tại kho hàng bến	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				bãi như sổ sách; phương pháp lưu trữ; tổ chức hệ thống phòng cháy, chữa cháy; kiểm kê và bảo quản hàng hoá tại kho hàng bến bãi, đánh giá hoạt động hiệu quả hoạt động quản lý kho hàng.				
24	KTKH107	Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng	3	Học phần Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng cung cấp các kiến thức về chuỗi cung ứng, các kiến thức về quản lý rủi ro hoạt động dự trữ trong chuỗi cung ứng, quản lý rủi ro hoạt động vận chuyển trong chuỗi cung ứng. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên công cụ để quản lý rủi ro hoạt động kho bãi trong chuỗi cung ứng, quản lý rủi ro hoạt động đóng gói và xếp dỡ hàng hóa trong chuỗi cung ứng. Trong quá trình học, sinh viên được thực hành và luyện tập thông qua tiết thảo luận ở trên lớp.	45		90	
25	KTKH108	Kinh doanh logistics	3	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động kinh doanh logistics các doanh nghiệp sản xuất và thương mại trong xu hướng toàn cầu hóa. Học phần cung cấp các kiến thức tổng quát về chiến lược và quá trình quản trị logistics như lập kế hoạch, tổ chức, kiểm tra đánh giá, và quản lý thông tin logistics. Đồng thời tập trung nhấn mạnh vào các hoạt động trong chuỗi logistics của doanh nghiệp bao gồm dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược...dựa trên nguyên tắc quản lý tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu và sản phẩm tại các doanh nghiệp trong chuỗi	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				cung ứng. Mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong kinh doanh hiện đại. Học phần cũng đề cập tới đặc điểm và quá trình cung cấp dịch vụ logistics từ phía các nhà kinh doanh logistics, bước đầu mở rộng phạm vi hoạt động logistics tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế, trong môi trường thương mại điện tử và mạng lưới sản xuất toàn cầu.				
26	KTKH109	Nghiệp vụ ngoại thương	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ ngoại thương. Học phần nghiên cứu những phương thức giao dịch trên thị trường quốc tế, trang bị cho sinh viên nghiệp vụ vận tải, bảo hiểm và thanh toán quốc tế trong ngoại thương. Đồng thời, học phần giúp sinh viên nâng cao kiến thức và phát triển kỹ năng đàm phán, soạn thảo, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa.	45		90	
27	KTKH110	Tiếng anh chuyên ngành	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng, trang bị cho sinh viên ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh liên quan đến hoạt động logistics và quản lý chuỗi ứng. Đồng thời, học phần tạo cơ hội cho sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ gắn liền với hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				rộng.				
28	KTKD109	Quản trị nguồn nhân lực	3	Học phần cung cấp những nội dung cơ bản cho người học: khái niệm, các nội dung cơ bản, các học thuyết và tư tưởng quản trị nhân lực; hoạch định nguồn nhân lực (nội dung hoạch định, hoạch định chiến lược, chiến thuật và tác nghiệp); Phân tích công việc (bản mô tả, bản tiêu chuẩn công việc), tổ chức bộ máy, tổ chức nhiệm vụ nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và tạo động lực cho người lao động	45		90	
29	KTKH111	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	2	Học phần Kỹ năng phát triển nghề nghiệp chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng cung cấp những kỹ năng cơ bản như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sắp xếp và quản lý công việc và kỹ năng làm việc nhóm. Bên cạnh giờ học lý thuyết, sinh viên được thực hành và luyện tập thông qua bài tập tình huống. Điều này sẽ giúp sinh viên ghi nhớ và nắm vững kiến thức hơn. Đồng thời, học phần là công cụ hữu ích để tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp sau khi ra trường trong tương lai.	30		60	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
30	KTKH112	Tham quan nhận thức 1	1	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế theo hướng chuyên sâu logistics tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp; giúp sinh viên nhận thức rõ những thiếu sót về kiến thức, kỹ năng của bản thân để tiếp tục tích lũy, hoàn thiện trong các học phần tiếp theo tại trường và chuẩn bị thực hiện học phần Tham quan nhận thức 2 đạt hiệu quả cao nhất.		80 giờ	30	
31	KTKH113	Tham quan nhận thức 2	1	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế theo hướng chuyên sâu quản lý chuỗi cung ứng tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp; giúp sinh viên nhận thức rõ những thiếu sót về kiến thức, kỹ năng của bản thân để tiếp tục tích lũy, hoàn thiện trong các học phần tiếp theo tại trường và chuẩn bị thực hiện học phần Thực tập nghề nghiệp 1 đạt hiệu quả cao nhất.		80 giờ	30	
32	KTKH114	Thực tập nghề nghiệp 1	4	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp phân tích và đánh giá thực tiễn, tiếp cận với phương pháp nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học để xây dựng và hoàn thành Đề án theo hướng chuyên sâu logistics và chuẩn bị thực hiện học phần Thực tập nghề nghiệp 2.		240 giờ	120	
33	KTKH115	Thực tập nghề nghiệp 2	5	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp phân tích và đánh giá thực tiễn, tiếp cận với phương pháp nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng phương		280 giờ	150	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				pháp nghiên cứu khoa học để xây dựng và hoàn thành Đề án theo hướng chuyên sâu quản lý chuỗi cung ứng và chuẩn bị thực hiện học phần Thực tập nghề nghiệp 3.				
34	KTKH116	Thực tập nghề nghiệp 3	5	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp phân tích và đánh giá thực tiễn, tiếp cận với phương pháp nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học để xây dựng và hoàn thành Đề án ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng và chuẩn bị thực hiện học phần Thực tập tốt nghiệp.		280 giờ	150	
2.2.2	Các học phần tự chọn (15/24)		24					
35	KTKH117	E- Logistics	3	Học phần này nhằm cập nhật cho người học xu hướng phát triển số hóa của logistics cũng như những ứng dụng cơ bản của E-logistics trong thực tế kinh doanh hiện nay. Học phần Logistics trong thương mại điện tử giới thiệu những vấn đề cơ bản về dịch vụ logistics gồm dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi, dịch vụ giao nhận, và các dịch vụ khác, các hoạt động logistics trong sản xuất kinh doanh. Trình bày các vấn đề mà các doanh nghiệp gặp phải khi vận dụng dịch vụ logistics trong thương mại điện tử; đồng thời gợi mở các giải pháp nâng cao năng lực logistics trong thương mại điện tử.	45		90	
36	KTKH118	Nghịệp vụ hải quan	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hải quan. Học phần giới thiệu tổng quan về hải quan, khái quát thủ tục hải quan, trình bày cơ sở pháp lý	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				của thủ tục hải quan, quy trình thực hiện thủ tục hải quan, quy trình khai hải quan và đăng ký hồ sơ hải quan. Đồng thời, học phần nghiên cứu hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan, quản lý thuế hải quan và quá trình thông quan hải quan. Trên cơ sở đó, học phần phát triển khả năng của sinh viên về việc thực hiện nghiệp vụ hải quan, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hoá thương mại.				
37	KTKH119	Địa lý vận tải	3	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về địa lý vận tải, quá trình hình thành hệ thống vận tải, hệ thống địa lý vận tải theo các phương tiện vận chuyển hàng hóa, mối quan hệ giữa vận tải và kinh tế, những tác động đến hệ thống địa lý vận tải, các đầu mối chủ vận tải. Đồng thời, học phần còn nghiên cứu vị trí, mạng lưới chuỗi hàng hóa, phân phối hàng hóa trong xu hướng toàn cầu hóa và thực tiễn tại Việt Nam.	45		90	
38	KTKT109	Thanh toán quốc tế	3	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: - Tổng quan về thanh toán quốc tế, nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, - Những vấn đề về các phương thức vận tải và chứng từ thương mại trong kinh doanh quốc tế, các phương tiện và phương thức trong thanh toán quốc tế. - Các phương pháp xác định tỷ giá hối đoái; rủi ro trong thanh toán quốc tế; những điều khoản cần có trong hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu.	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				- Những vấn đề về vận chuyển hàng hóa liên quan đến giao dịch quốc tế.				
39	KTPT106	Quản trị bán hàng	3	Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về quản trị bán hàng, Xây dựng kế hoạch, lập ngân sách cho hoạt động bán hàng, tổ chức lực lượng bán hàng, lãnh đạo lực lượng bán hàng, sử dụng các công cụ động viên khích lệ sao cho có hiệu quả và kiểm tra đánh giá kết quả đạt được trong hoạt động bán hàng.	45		90	
40	KTKD170	Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh	3	Học phần cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản bao gồm: Khái niệm kinh doanh, khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh, phương thức, quy trình và chiến lược khởi sự kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh. Ứng dụng các lý thuyết về khởi sự để phân tích, đánh giá, tạo lập doanh nghiệp và triển khai hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh trên thị trường hiện nay.	45		90	
41	KTPT124	Quản trị kênh phân phối	3	Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về phân phối sản phẩm; Môi trường và hành vi trong kênh phân phối; chiến lược, xây dựng, quản lý và đánh giá hoạt động phân phối; các vấn đề chiến thuật trong quản trị kênh phân phối, hoạt động đánh giá hiệu quả kênh và một số loại kênh phân phối của các ngành kinh doanh đặc thù. Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về quy trình và nội dung các hoạt động trong quản trị kênh phân phối, từ đó có thể hiểu và phân tích được các	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				mối quan hệ và hành vi của kênh phân phối trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, cũng như có khả năng đưa ra quyết định về chiến lược, chiến thuật để xây dựng và vận hành kênh phân phối có hiệu quả				
42	KTPT119	Marketing quốc tế	3	Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về marketing quốc tế, các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh trong môi trường quốc tế của doanh nghiệp, cách thức tham gia và mở rộng thị trường quốc tế, các quyết định marketing như quyết định về sản phẩm, định giá, xúc tiến trên thị trường quốc tế và phát triển marketing cho hoạt động xuất nhập khẩu. Kết thúc học phần người học sẽ nắm được các kiến thức cơ bản về marketing quốc tế và có kỹ năng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến marketing quốc tế, từ đó có thể lựa chọn được phương án tham gia thị trường quốc tế, đồng thời đưa ra các quyết định về cạnh tranh và marketing mix phù hợp.	45		90	
2.3	Kiến thức chuyên ngành (18/33TC)		33					
43	KTKH120	Quản trị chuỗi cung ứng 1	3	Học phần cung cấp kiến thức về chuỗi cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng, dự báo nhu cầu và lập kế hoạch cụ thể. Học phần giới thiệu về tổ chức sản xuất, và thiết kế mạng lưới phân phối. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên công cụ để đo lường hiệu suất của chuỗi cung ứng toàn cầu qua mô hình tham chiếu hoạt động chuỗi cung ứng. Trong quá	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				trình học, sinh viên được thực hành và luyện tập thông qua tiết thảo luận ở trên lớp.				
44	KTKH121	Quản trị chuỗi cung ứng 2	3	Học phần Quản trị chuỗi cung ứng 2 cung cấp kiến thức về xu hướng chuỗi cung ứng thế kỷ 21, sản xuất, phân phối và vận chuyển chuỗi cung ứng. Học phần giới thiệu về hiệu ứng cái roi da và chuỗi cung ứng phối hợp, hình thành hệ thống thông tin hỗ trợ. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên công cụ để đo lường hiệu suất chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong quá trình học, sinh viên được thực hành và luyện tập thông qua tiết thảo luận ở trên lớp.	45		90	
45	KTKH122	Vận tải đa phương tiện	3	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lý thuyết về vận tải đa phương tiện; cơ sở pháp lý quốc tế và Việt Nam; tổ chức vận tải đa phương tiện; cơ sở vật chất kỹ thuật bao gồm hệ thống cơ sở hạ tầng, phương tiện và hệ thống thông tin quản lý phục vụ vận tải đa phương tiện; nghiên cứu về các mô hình vận tải đa phương tiện. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu thực tiễn hoạt động vận tải đa phương tiện tại Việt Nam.	45		90	
46	KTKH123	Logistics quốc tế	3	Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về logistics quốc tế, các tổ chức kiểm soát hoạt động và quản trị rủi ro trong môi trường logistics quốc tế. Đồng thời tìm hiểu thị trường logistics của một số quốc gia như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và thị trường các nước ASEAN.	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
47	KTKH124	Vận hành dịch vụ logistics	3	Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về vận hành dịch vụ logistics, ngành dịch vụ logistics, vận hành dịch vụ logistics cho hàng xuất – nhập khẩu, vận hành dịch vụ phân phối hàng hóa thiết bị xuất nhập khẩu và nội địa, vận hành dịch vụ vận chuyển, vận hành dịch vụ cung cấp cho hãng tàu – dịch vụ cảng.	45		90	
48	KTKH125	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao nhận hàng hóa như các dịch vụ giao nhận hàng hóa, người giao nhận – trách nhiệm của người giao nhận, các phương thức giao nhận hàng hóa và các chứng từ có liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hóa nói chung và hàng hóa xuất nhập khẩu nói riêng, thủ tục hải quan và quy trình giao nhận hàng hóa trong hoạt động vận tải bằng tất cả các phương thức vận tải. Hợp đồng trong kinh doanh vận tải hàng hóa; Hợp đồng trong kinh doanh thương mại quốc tế; Thủ tục hải quan và thanh toán quốc tế; Một số vấn đề liên quan đến thủ tục và quy trình vận tải hàng hóa bằng các phương thức vận tải.	45		90	
49	KTKD172	Quản trị điều hành sản xuất	3	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Các chi phí trong quản trị tồn kho; Các dạng và mô hình tồn kho – Các biện pháp giảm chi phí tồn kho; Những thông tin cần nắm vững khi hoạch định nhu cầu vật tư; Trình tự hoạch định nhu cầu vật tư; Các mô hình cung vật tư; Các khái niệm cơ	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				bản; Nội dung quản trị điều hành sản xuất; Các phương pháp dự báo trong quản trị điều hành sản xuất; Những chiến lược thuần túy; Các phương pháp hoạch định tổng hợp.				
50	KTKT107	Quản trị tài chính chuỗi cung ứng	3	Quản trị tài chính chuỗi cung ứng là môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng và quản trị tài chính chuỗi cung ứng; vốn, nguồn tài trợ vốn, chi phí, doanh thu, lợi nhuận trong hoạt động hoạt động chuỗi cung ứng; các hoạt động quản trị vốn bằng tiền, các khoản phải thu, vốn về hàng tồn kho của hoạt động chuỗi cung ứng; phân tích hiệu quả hoạt động hoạt động chuỗi cung ứng.	45		90	
51	KTKH126	Quản trị mua hàng toàn cầu	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị mua hàng toàn cầu, trang bị cho sinh viên kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá, giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả, làm việc nhóm, quản lý nhóm, phát triển khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, thuyết trình, viết bài luận và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động mua hàng toàn cầu. Đồng thời, học phần tạo giúp sinh viên phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn	45		90	
52	KTKD173	Kinh doanh quốc tế	3	Học phần cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản của kinh doanh quốc tế như: Tổng quan về kinh doanh quốc tế; ảnh hưởng các yếu tố môi	45		90	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
				trường vĩ mô đến kinh doanh quốc gia; môi trường thương mại và đầu tư toàn cầu; chiến lược kinh doanh quốc tế; các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế.				
53	KTKD126	Quản trị công nghệ	3	Học phần quản trị công nghệ cung cấp cho người học các vấn đề về công nghệ và quản trị công nghệ, phương pháp đánh giá và sử dụng các chỉ tiêu để lựa chọn công nghệ, phân tích năng lực công nghệ trong doanh nghiệp, quá trình đổi mới và quản lý đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, nguyên nhân chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Từ đó, đánh giá tình hình sử dụng công nghệ của doanh nghiệp và hoạch định chiến lược công nghệ cho doanh nghiệp logistics phát triển trong tương lai	45		90	
2.4	Kiến thức thực tập, khóa luận tốt nghiệp		12					
54	KTKH127	Thực tập tốt nghiệp	6	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm làm việc thực tế tại các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương liên quan đến việc hoạch định chính sách cho hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng, các cơ quan nghiên cứu và các tổ chức quốc tế có liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng; giúp sinh viên định hướng tốt hơn về việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai.		320 giờ	180 giờ	

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Nội dung cần đạt được của từng học phần	Khối lượng kiến thức			Ghi chú
					LT	TH TT	Tự học	
55	KTKH128	Khóa luận tốt nghiệp	6					
	Các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp		6					
56	KTKH129	Quản trị doanh nghiệp Logistics	3	Nội dung đề cập trong học phần bao gồm: Giới thiệu những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, các trường phái quản trị doanh nghiệp; đặc điểm và vai trò của doanh nghiệp logistics trong nền kinh tế quốc dân, phân tích ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến doanh nghiệp logistics, từ đó đề xuất biện pháp khai thác môi trường kinh doanh hiệu quả, tổ chức bộ máy kinh doanh của doanh nghiệp logistics. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp logistics, quản trị các nghiệp vụ kinh doanh logistics, quản trị nhân sự, quản trị chi phí, quản trị rủi ro trong doanh nghiệp logistics.	45		90	
57	KTKH130	Hệ thống thông tin dịch vụ logistics	3	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin dịch vụ Logistics. Học phần giới thiệu tổng quan về hệ thống thông tin Logistics, hệ thống thông tin hỗ trợ dịch vụ logistics, mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp, hệ thống thông tin dịch vụ Logistics. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng để ứng dụng xây dựng hệ thống thông tin của các công ty logistics tại Việt Nam.	45		90	

3.4. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được Chuẩn đầu ra

TT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT														Tổng	
		Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3		2.3.4
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương																
1.1	Các học phần chung																
1	Triết học Mác – Lênin	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	2
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	2
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	2
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	2
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	2
6	Tiếng Anh 1	3	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2
7	Tiếng Anh 2	3	-	-	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2
8	Tiếng Anh 3	3	-	-	-	3	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-	3
1.2	Các học phần bắt buộc của Trường																
9	Pháp luật đại cương	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2	-	-	2
10	Tin học đại cương	3	-	-	-	3	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	3
1.3	Các học phần của ngành																
11	Kinh tế vi mô	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
12	Kinh tế vĩ mô	-	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1
13	Toán kinh tế	3	2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2
14	Kinh tế số	1	3	-	-	1	-	-	-	1	2	-	-	-	-	-	5
15	Khởi sự kinh doanh	-	3	-	-	-	-	-	-	1	-	-	2	2	2	-	5
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp																
2.1	Kiến thức cơ sở ngành																
16	Nguyên lý kế toán	-	3	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	1	-	-	3

TT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT																Tổng
		Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm					
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4		
17	Quản trị học	-	3	-	-	-	-	1	-	-	-	1	-	1	-	-	4	
18	Tài chính tiền tệ	-	3	-	-	-	-	-	3	-	-	-	-	1	-	-	3	
19	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	1	3	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3	-	-	3	
20	Quản trị chất lượng	-	3	-	-	-	-	1	1	-	-	1	-	1	-	-	5	
21	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	-	3	-	-	-	1	1	-	2	1	-	1	-	2	-	7	
2.2	Kiến thức ngành																	
2.2.1	Bắt buộc																	
22	Logistics căn bản	-	3	2	-	-	1	-	-	1	-	-	1	1	-	-	6	
23	Quản lý kho hàng bến bãi	-	3	-	2	-	1	2	-	1	-	2	1	2	-	-	8	
24	Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng	-	3	-	2	-	1	2	-	1	-	2	1	2	1	-	9	
25	Kinh doanh logistics	-	3	2	-	-	1	3	2	1	-	-	1	2	1	-	9	
26	Nghiệp vụ ngoại thương	-	3	2	-	-	2	2	3	2	2	-	2	2		-	9	
27	Tiếng anh chuyên ngành	-	3	2	-	3	-	-	-	2	-	-	-	-	1	-	5	
28	Quản trị nguồn nhân lực	-	3	-	2	-	-	1	1	-	-	2	-	2	1	-	7	
29	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	-	-	-	-	-	-	2	-	3	-	3	3	2	2	-	6	
30	Tham quan nhận thức 1	-	-	3	-	-	2	2	-	2	-	-	2	3	1	-	7	
31	Tham quan nhận thức 2	-	-	-	3	-	2	2	-	2	-	-	2	3	1	-	7	
32	Thực tập nghề nghiệp 1	-	-	3	-	-	3	3	-	3	2	-	3	3	2	-	8	
33	Thực tập nghề nghiệp 2	-	-	-	3	-	3	3	-	3	2	-	3	3	2	-	8	
34	Thực tập nghề nghiệp 3	-	-	3	3	-	3	3	-	3	2	-	3	3	2	3	10	
2.2.2	Tự chọn																	
35	E- Logistics	-	3	2	-	1	2	2	-	-	3	-	1	2	1	-	9	
36	Nghiệp vụ hải quan	-	3	2	-	-	2	2	3	2	-	-	2	2	2	-	9	

TT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT														Tổng	
		Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3		2.3.4
37	Địa lý vận tải	-	3	2	-	-	2	2	-	1	-	-	1	2	1	-	8
38	Thanh toán quốc tế	-	3	2	-	-	2	2	3	-	-	-	1	2	2	-	8
39	Quản trị bán hàng	-	3	-	2	-	2	2	1	-	-	2	1	2	2	-	9
40	Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh	-	3	2	-	-	2	3	-	2	-	2	2	2	3	3	10
41	Quản trị kênh phân phối	-	3	2	-	-	2	2	2	-	-	3	2	2	2	-	9
42	Marketing quốc tế	-	3	-	2	-	2	2	-	-	-	-	2	2	2	-	7
2.3	Kiến thức chuyên ngành																
43	Quản trị chuỗi cung ứng 1	-	-	-	3	-	2	2	2	1	-	2	2	2	1	-	9
44	Quản trị chuỗi cung ứng 2	-	-	-	3	-	3	3	2	2	-	3	2	2	2	1	10
45	Vận tải đa phương tiện	-	-	3	-	-	3	2	-	2	-	-	2	2	1	-	7
46	Logistics quốc tế	-	-	3	-	-	3	2	-	2	3	-	2	2	2	-	8
47	Vận hành dịch vụ logistics	-	-	3	-	-	3	2	-	2	-	-	2	2	2	-	7
48	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	-	-	3	-	-	3	3	3	3	2	-	2	2	1	-	9
49	Quản trị điều hành sản xuất	-	-	-	3	-	3	3	2	-	-	3	2	2	1	-	8
50	Quản trị tài chính chuỗi cung ứng	-	-	-	3	-	3	2	3	-	-	2	2	2	-	-	7
51	Quản trị mua hàng toàn cầu	-	-	-	2	-	3	2	2	-	2	3	2	2	1	-	9
52	Kinh doanh quốc tế	-	-	2	-	-	3	3	2	-	-	-	2	3	2	2	8
53	Quản trị công nghệ	-	-	-	2	1	3	-	1	-	3	2	2	2	-	-	8
2.4	Kiến thức thực tập, khoá luận tốt nghiệp																
54	Thực tập tốt nghiệp	-	-	3	3	-	3	3	2	2	3	-	3	3	3	3	11
55	Khóa luận tốt nghiệp	-	-	3	3	2	3	3	-	-	3	2	3	3	3	3	11
	Các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp																
56	Quản trị doanh nghiệp logistics	-	-	3	3	-	3	3	-	-	-	2	3	3	3	3	9
57	Hệ thống thông tin dịch vụ logistics	-	-	3	3	2	3	3	-	-	3	-	3	2	2	-	9

TT	HỌC PHẦN	CHUẨN ĐẦU RA CỦA CTĐT														Tổng	
		Kiến thức				Kỹ năng							Năng lực tự chủ và trách nhiệm				
		2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.3.1	2.3.2	2.3.3		2.3.4
Tổng (%)		13	26	22	18	10	34	36	19	26	15	17	33	50	33	5	

Mức đóng góp: nhiều (3); trung bình (2); ít (1); không (-).

3.5. Kế hoạch học tập dự kiến phân bố theo học kỳ

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4	
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương									
1.1	Các học phần chung									
1	Triết học Mác – Lênin	LCML101	3							
2	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	LCML102		2						
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	LCML103			2					
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	LCLS101					2			
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LCTT101				2				
6	Tiếng Anh 1	NNTA101	3							
7	Tiếng Anh 2	NNTA102		3						
8	Tiếng Anh 3	NNTA103			2					
1.2	Các học phần bắt buộc của Trường									
9	Pháp luật đại cương	LCPL101	2							
10	Tin học đại cương	CTKU101	2							
1.3	Các học phần của ngành									
11	Kinh tế vi mô	KTKH101	3							
12	Kinh tế vĩ mô	KTKH102		3						
13	Toán kinh tế	KĐTO105	2							
14	Kinh tế số	KTKH103			2					
15	Khởi sự kinh doanh	KTKD101				2				
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
2.1	Kiến thức cơ sở ngành									

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4	
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
16	Nguyên lý kế toán	KTKE101			3					
17	Quản trị học	KTKD105	3							
18	Tài chính tiền tệ	KTKT101		2						
19	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	KTKD111			2					
20	Quản trị chất lượng	KTKD171		2						
21	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	KTKH104				2				
2.2	Kiến thức ngành									
2.2.1	Bắt buộc									
22	Logistics căn bản	KTKH105		3						
23	Quản lý kho hàng bến bãi	KTKH106			3					
24	Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng	KTKH107			3					
25	Kinh doanh logistics	KTKH108					3			
26	Nghiệp vụ ngoại thương	KTKH109					3			
27	Tiếng anh chuyên ngành	KTKH110				3				
28	Quản trị nguồn nhân lực	KTKD109				3				
29	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	KTKH111		2						
30	Tham quan nhận thức 1	KTKH112		1						
31	Tham quan nhận thức 2	KTKH113			1					
32	Thực tập nghề nghiệp 1	KTKH114				4				
33	Thực tập nghề nghiệp 2	KTKH115					5			
34	Thực tập nghề nghiệp 3	KTKH116						5		
2.2.2	Tự chọn (15/24)									
35	E- Logistics	KTKH117						3		
36	Nghiệp vụ hải quan	KTKH118						3		
37	Địa lý vận tải	KTKH119						3		
38	Thanh toán quốc tế	KTKT109							3	
39	Quản trị bán hàng	KTPT106					3			
40	Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh	KTKD170					3			

TT	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4	
			HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8
41	Quản trị kênh phân phối	KTPT124						3		
42	Marketing quốc tế	KTPT119							3	
2.3	Kiến thức chuyên ngành (18/33)									
43	Quản trị chuỗi cung ứng 1	KTKH120						3		
44	Quản trị chuỗi cung ứng 2	KTKH121							3	
45	Vận tải đa phương tiện	KTKH122							3	
46	Logistics quốc tế	KTKH123							3	
47	Vận hành dịch vụ logistics	KTKH124							3	
48	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	KTKH125							3	
49	Quản trị điều hành sản xuất	KTKD172							3	
50	Quản trị tài chính chuỗi cung ứng	KTKT107							3	
51	Quản trị mua hàng toàn cầu	KTKH126						3		
52	Kinh doanh quốc tế	KTKD173							3	
53	Quản trị công nghệ	KTKD126							3	
2.4	Kiến thức thực tập, khoá luận tốt nghiệp									
54	Thực tập tốt nghiệp	KTKH127								6
55	Khoá luận tốt nghiệp	KTKH128								6
	<i>Các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp</i>									
56	Quản trị doanh nghiệp logistics	KTKH129								3
57	Hệ thống thông tin dịch vụ logistics	KTKH130								3
Tổng số tín chỉ (133)			18	18	18	16	16	17	18	12

3.6. Mô tả nội dung và khối lượng các học phần

1. Triết học Mác – Lênin 1

3TC

Học phần Triết học Mác-Lênin là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là học phần tiên quyết,

trang bị thể giới quan và phương pháp luận làm tiền đề cho việc học tập các học phần lý luận chính trị tiếp theo. Nội dung học phần gồm 3 chương, ngoài khái quát những tri thức chung về triết học, học phần trang bị những kiến thức cơ bản về triết học Mác-Lênin bao gồm chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử và ý nghĩa phương pháp luận của những kiến thức triết học đối với thực tiễn.

2. Kinh tế chính trị Mác – Lênin

2TC

Kinh tế chính trị Mác – Lênin là học phần bắt buộc thuộc các môn Lý luận chính trị trong giáo dục đại học, cung cấp những tri thức cơ bản về nền kinh tế hàng hóa, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Trên cơ sở đó, giúp người học nhận diện đúng mối quan hệ xã hội của sản xuất và trao đổi, góp phần xây dựng và củng cố nền tảng tư duy kinh tế, lập trường chính trị, phương pháp học tập, nghiên cứu nhằm đáp ứng yêu cầu của đất nước hiện nay.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2TC

Chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ đại học, là tiền đề cho hai học phần tiếp theo là Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Học phần nhằm trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; Dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa; Cơ cấu xã hội giai cấp và liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

2TC

Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

2TC

Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương, thuộc các môn lý luận chính trị. Học phần trang bị những kiến thức cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, giúp sinh viên nhận thức sâu sắc giá trị khoa học của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Qua đó, sinh viên có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, tích cực học tập, tu dưỡng, rèn luyện đạo đức để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

6. Tiếng Anh 1

3TC

Học phần Tiếng Anh 1 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong tiếng Anh và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm chung: công việc hàng ngày, thói quen, sở thích, du lịch, đất nước, con người... Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: giới thiệu bản thân, giải quyết những vấn đề thường gặp khi giao tiếp trên điện thoại và thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.

7. Tiếng Anh 2

3TC

Học phần Tiếng Anh 2 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thành, quá khứ đơn, so sánh của tính từ - trạng từ, động từ khuyết thiếu... và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều chủ điểm như: nghề nghiệp, lễ hội, du lịch... ở mức độ tiền trung cấp. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết mức độ tiền trung cấp thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống hàng ngày như: gọi điện thoại, thực hành những đoạn hội thoại thường gặp trong cuộc sống xã hội.

8. Tiếng Anh 3

2TC

Học phần Tiếng Anh 3 là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp trong tiếng Anh như thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hoàn thành, thể bị động của quá khứ đơn, hiện tại đơn, hiện tại hoàn thành tiếp diễn với các từ xác định và cung cấp từ vựng liên quan đến nhiều điểm chung: hiện tại và quá khứ, sức khỏe, các bệnh thường gặp, các vật dụng hàng ngày, tiền tệ. Người học có cơ hội rèn luyện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống thường gặp trong cuộc sống như: cuộc sống hiện tại và quá khứ, thực hành những đoạn hội thoại liên quan về sức khỏe và tai nạn, tìm hiểu về các thương hiệu nổi tiếng trên thế giới, tìm hiểu kỹ hơn về các vận dụng hàng ngày cần thiết khi mang đi du lịch.

9. Pháp luật đại cương

2TC

Học phần Pháp luật đại cương là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức đại cương của tất cả các chuyên ngành đào tạo trong trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội. Mục tiêu của học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật. Nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật; những nội dung về các ngành luật cơ bản và Pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Sau khi kết thúc học phần, người học iết vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết những tình huống trong thực tế.

10. Tin học đại cương

2TC

Học phần Tin học đại cương là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần tin học đại cương gồm các kiến thức cơ bản về tin học và công nghệ thông tin như: khái niệm thông tin và cách

biểu diễn thông tin trong máy tính, cấu trúc và hoạt động của hệ thống máy tính, mạng máy tính, Internet, ứng dụng của công nghệ thông tin; sinh viên hiểu khái niệm hệ điều hành, làm quen với một số hệ điều hành thông dụng và biết cách giao tiếp với hệ điều hành Windows; biết sử dụng các phần mềm ứng dụng văn phòng: MS Word, MS Excel và MS Powerpoint.

11. Kinh tế vi mô

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hóa và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường; Phân tích những thất bại vốn có của thị trường và vai trò Chính phủ trong việc can thiệp vào một số thất bại của thị trường.

12. Kinh tế vĩ mô

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế học vĩ mô là một phân ngành của kinh tế học chuyên nghiên cứu về đặc điểm, cấu trúc và hành vi của cả một nền kinh tế nói chung. Kinh tế học vĩ mô và kinh tế học vi mô là hai lĩnh vực chung nhất của kinh tế học. Trong khi kinh tế học vi mô chủ yếu nghiên cứu về hành vi của các cá thể đơn lẻ như công ty và cá nhân người tiêu dùng, kinh tế học vĩ mô lại nghiên cứu các chỉ tiêu cộng hưởng như GDP, tỉ lệ thất nghiệp, và các chỉ số giá cả để hiểu cách hoạt động của cả nền kinh tế. Học phần bao gồm 7 chương, sẽ cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản, các nguyên lý và một số mô hình kinh tế vĩ mô đơn giản; những nội dung cơ bản của hạch toán thu nhập quốc dân, các nhân tố quy định sản lượng của một nền kinh tế, hay các vấn đề về lạm phát, thất nghiệp, lãi suất, tỷ giá hối đoái, các chính sách của nền kinh tế mở.

13. Toán kinh tế

2TC

Học phần “Toán kinh tế” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo hệ đại học. Học phần giới thiệu cho sinh viên các kiến thức về: đại số, giải tích, ứng dụng và ý nghĩa của chúng trong phân tích kinh tế. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên để áp dụng vào các lĩnh vực khoa học khác.

14. Kinh tế số

2TC

Học phần Kinh tế số cung cấp cho sinh viên những đặc trưng cơ bản của kinh tế số và các vấn đề liên quan đến nó, các ứng dụng của kinh tế thông tin trong các lĩnh vực số khác nhau, các thành phần cốt lõi của kinh tế số là kinh tế đổi mới, quyền sở hữu trí tuệ và công nghệ chuỗi khối. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu các đặc trưng nền tảng kinh tế và thị trường song song phát sinh trong lĩnh vực số, nghiên cứu cơ

bản về bán hàng trực tuyến và thương mại điện tử, quyền sở hữu trí tuệ trong kinh tế đổi mới và công nghệ mới chuỗi khối.

15. Khởi sự kinh doanh

2TC

Học phần cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản bao gồm: Khái niệm kinh doanh, khởi sự kinh doanh, phương thức, quy trình và chiến lược khởi sự kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh. Ứng dụng các lý thuyết về khởi sự để phân tích, đánh giá, tạo lập doanh nghiệp và triển khai hoạt động kinh doanh.

16. Nguyên lý kế toán

3TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:

- Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản.
- Đối tượng nghiên cứu của kế toán.
- Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối.
- Các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- Các hình thức kế toán; Tổ chức bộ máy kế toán.

Học phần này là tiền đề để người học có thể nghiên cứu các học phần tiếp theo trong chương trình đào tạo

17. Quản trị học

3TC

Học phần cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản bao gồm: Khái niệm quản trị, nhà quản trị và các kỹ năng của nhà quản trị. Ứng dụng các lý thuyết về môi trường quản trị dùng để phân tích, đánh giá phục vụ ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

18. Tài chính Tiền tệ

2TC

Tài chính tiền tệ là học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành trong chương trình đào tạo đại học, ngành Quản lý chuỗi cung ứng. Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng Trung ương và chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

19. Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp

2TC

Học phần Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp giúp người học khái quát hóa được các vấn đề chung về đạo đức trong kinh doanh và văn hóa trong môi trường doanh nghiệp; Học phần giúp cho người học trang bị những kiến thức về xây dựng đạo đức kinh doanh, xây dựng văn hoá ứng xử trong doanh nghiệp nhằm tạo lập

bản sắc văn hóa doanh nghiệp, xây dựng phong cách quản lý, định hướng đạo đức để áp dụng vào trong thực tiễn tại doanh nghiệp hiệu quả hơn.

20. Quản trị chất lượng

2TC

Học phần cung cấp những kiến thức tổng quát về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm; Các phương pháp quản lý chất lượng; Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng; Các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; Phương pháp quản lý chất lượng toàn diện – TQM; Quản lý chất lượng trong một số loại hình doanh nghiệp. Từ đó người học có thể vận dụng kiến thức về quản lý chất lượng vào công việc thực tế, nâng cao chất lượng, uy tín cho doanh nghiệp.

21. Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh

2TC

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh. Học phần giới thiệu tổng quan về nghiên cứu trong kinh doanh; xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu trong kinh doanh; xây dựng thang đo và thiết kế bảng hỏi; chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu; xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu; đồng thời học phần còn trang bị kiến thức về trình bày báo cáo nghiên cứu, giúp người học vận dụng vào các nghiên cứu trong thực tiễn.

22. Logistics căn bản

3TC

Học phần Logistics căn bản cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Logistics, lập kế hoạch sản xuất, cung ứng vật tư. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên các thông tin về vận tải, dự trữ, cung cấp các thông tin về các mô hình quản trị dự trữ, và kho bãi và dịch vụ khách hàng. Trong quá trình học, sinh viên được thực hành và luyện tập thông qua tiết thảo luận ở trên lớp.

23. Quản lý kho hàng bến bãi

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về những vấn đề chung về quản lý kho hàng bến bãi; hoạt động trong việc tổ chức xếp dỡ tại kho hàng bến bãi; các nguyên tắc, quy tắc và kỹ thuật xếp dỡ hàng hoá; các công việc trong nhập hàng và xuất hàng tại kho hàng bến bãi; các hoạt động quản lý hành chính tại kho hàng bến bãi như sổ sách; phương pháp lưu trữ; tổ chức hệ thống phòng cháy, chữa cháy; kiểm kê và bảo quản hàng hoá tại kho hàng bến bãi, đánh giá hoạt động hiệu quả hoạt động quản lý kho hàng.

24. Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng

3TC

Học phần Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng cung cấp các kiến thức về chuỗi cung ứng, các kiến thức về quản lý rủi ro hoạt động dự trữ trong chuỗi cung ứng, quản lý rủi ro hoạt động vận chuyển trong chuỗi cung ứng. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên công cụ để quản lý rủi ro hoạt động kho bãi trong chuỗi cung ứng, quản lý rủi ro hoạt động đóng gói và xếp dỡ hàng hóa trong chuỗi cung ứng. Trong quá trình học, sinh viên được thực hành và luyện tập thông qua tiết thảo luận ở trên lớp.

25. Kinh doanh Logistics

3TC

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về hoạt động kinh doanh logistics các doanh nghiệp sản xuất và thương mại trong xu hướng toàn cầu hóa. Học phần cung cấp các kiến thức tổng quát về chiến lược và quá trình quản trị logistics như lập kế hoạch, tổ chức, kiểm tra đánh giá, và quản lý thông tin logistics. Đồng thời tập trung nhấn mạnh vào các hoạt động trong chuỗi logistics của doanh nghiệp bao gồm dịch vụ khách hàng, dự trữ, vận chuyển, mua hàng, đóng gói, bảo quản, logistics ngược... dựa trên nguyên tắc quản lý tối ưu hóa các dòng cung ứng nguyên liệu và sản phẩm tại các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng. Mong muốn cung cấp cho người học một hệ thống kiến thức đồng bộ và khả năng tư duy kết nối linh hoạt các hoạt động logistics trong kinh doanh hiện đại. Học phần cũng đề cập tới đặc điểm và quá trình cung cấp dịch vụ logistics từ phía các nhà kinh doanh logistics, bước đầu mở rộng phạm vi hoạt động logistics tại các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế, trong môi trường thương mại điện tử và mạng lưới sản xuất toàn cầu.

26. Nghiệp vụ Ngoại thương

3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ ngoại thương. Học phần nghiên cứu những phương thức giao dịch trên thị trường quốc tế, trang bị cho sinh viên nghiệp vụ vận tải, bảo hiểm và thanh toán quốc tế trong ngoại thương. Đồng thời, học phần giúp sinh viên nâng cao kiến thức và phát triển kỹ năng đàm phán, soạn thảo, ký kết và tổ chức thực hiện hợp đồng ngoại thương trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa.

27. Tiếng Anh chuyên ngành

3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về logistics và quản lý chuỗi cung ứng, trang bị cho sinh viên ngữ pháp và từ vựng tiếng Anh liên quan đến hoạt động logistics và quản lý chuỗi ứng. Đồng thời, học phần tạo cơ hội cho sinh viên thực hành và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ gắn liền với hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

28. Quản trị nguồn nhân lực

3TC

Học phần cung cấp những nội dung cơ bản cho người học: khái niệm, các nội dung cơ bản, các học thuyết và tư tưởng quản trị nhân lực; hoạch định nguồn nhân lực (nội dung hoạch định, hoạch định chiến lược, chiến thuật và tác nghiệp); Phân tích công việc (bản mô tả, bản tiêu chuẩn công việc), tổ chức bộ máy, tổ chức nhiệm vụ nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và tạo động lực cho người lao động.

29. Kỹ năng phát triển nghề nghiệp

2TC

Học phần Kỹ năng phát triển nghề nghiệp chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng cung cấp những kỹ năng cơ bản như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sắp xếp và quản lý công việc và kỹ năng làm việc nhóm. Bên cạnh giờ học lý thuyết, sinh viên được thực hành và luyện tập thông qua bài tập tình huống. Điều này sẽ giúp sinh

viên ghi nhớ và nắm vững kiến thức hơn. Đồng thời, học phần là công cụ hữu ích để tìm kiếm việc làm và phát triển nghề nghiệp sau khi ra trường trong tương lai.

30. Tham quan nhận thức 1

1TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế theo hướng chuyên sâu logistics tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp; giúp sinh viên nhận thức rõ những thiếu sót về kiến thức, kỹ năng của bản thân để tiếp tục tích lũy, hoàn thiện trong các học phần tiếp theo tại trường và chuẩn bị thực hiện học phần Tham quan nhận thức 2 đạt hiệu quả cao nhất.

31. Tham quan nhận thức 2

1TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức thực tế theo hướng chuyên sâu quản lý chuỗi cung ứng tại các cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp; giúp sinh viên nhận thức rõ những thiếu sót về kiến thức, kỹ năng của bản thân để tiếp tục tích lũy, hoàn thiện trong các học phần tiếp theo tại trường và chuẩn bị thực hiện học phần Thực tập nghề nghiệp 1 đạt hiệu quả cao nhất.

32. Thực tập nghề nghiệp 1

4TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp phân tích và đánh giá thực tiễn, tiếp cận với phương pháp nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học để xây dựng và hoàn thành Đề án theo hướng chuyên sâu logistics và chuẩn bị thực hiện học phần Thực tập nghề nghiệp 2.

33. Thực tập nghề nghiệp 2

5TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp phân tích và đánh giá thực tiễn, tiếp cận với phương pháp nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học để xây dựng và hoàn thành Đề án ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng và chuẩn bị thực hiện học phần Thực tập nghề nghiệp 3.

34. Thực tập nghề nghiệp 3

5TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng, phương pháp phân tích và đánh giá thực tiễn, tiếp cận với phương pháp nghiên cứu khoa học. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể vận dụng phương pháp nghiên cứu khoa học để xây dựng và hoàn thành Đề án theo hướng chuyên sâu quản lý chuỗi cung ứng và chuẩn bị thực hiện học phần Thực tập tốt nghiệp.

35. E- Logistics

3TC

Học phần này nhằm cập nhật cho người học xu hướng phát triển số hóa của logistics cũng như những ứng dụng cơ bản của E-logistics trong thực tế kinh doanh hiện nay. Học phần Logistics trong thương mại điện tử giới thiệu những vấn đề cơ bản về dịch vụ logistics gồm dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi, dịch vụ giao nhận, và các dịch vụ khác, các hoạt động logistics trong sản xuất kinh doanh. Trình bày các vấn đề mà các doanh nghiệp gặp phải khi vận dụng dịch vụ logistics trong thương mại điện

tử; đồng thời gợi mở các giải pháp nâng cao năng lực logistics trong thương mại điện tử.

36. Nghiệp vụ hải quan

3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nghiệp vụ hải quan. Học phần giới thiệu tổng quan về hải quan, khái quát thủ tục hải quan, trình bày cơ sở pháp lý của thủ tục hải quan, quy trình thực hiện thủ tục hải quan, quy trình khai hải quan và đăng ký hồ sơ hải quan. Đồng thời, học phần nghiên cứu hoạt động kiểm tra, giám sát hải quan, quản lý thuế hải quan và quá trình thông quan hải quan. Trên cơ sở đó, học phần phát triển khả năng của sinh viên về việc thực hiện nghiệp vụ hải quan, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và tự do hoá thương mại.

37. Địa lý vận tải

3TC

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về địa lý vận tải, quá trình hình thành hệ thống vận tải, hệ thống địa lý vận tải theo các phương tiện vận chuyển hàng hóa, mối quan hệ giữa vận tải và kinh tế, những tác động đến hệ thống địa lý vận tải, các đầu mối chủ vận tải. Đồng thời, học phần còn nghiên cứu vị trí, mạng lưới chuỗi hàng hóa, phân phối hàng hóa trong xu hướng toàn cầu hóa và thực tiễn tại Việt Nam.

38. Thanh toán quốc tế

3TC

Học phần bao gồm những nội dung cơ bản sau:

- Tổng quan về thanh toán quốc tế, nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu,
- Những vấn đề về các phương thức vận tải và chứng từ thương mại trong kinh doanh quốc tế, các phương tiện và phương thức trong thanh toán quốc tế.
- Các phương pháp xác định tỷ giá hối đoái; rủi ro trong thanh toán quốc tế; những điều khoản cần có trong hợp đồng kinh doanh xuất nhập khẩu.
- Những vấn đề về vận chuyển hàng hóa liên quan đến giao dịch quốc tế.

39. Quản trị bán hàng

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về quản trị bán hàng, Xây dựng kế hoạch, lập ngân sách cho hoạt động bán hàng, tổ chức lực lượng bán hàng, lãnh đạo lực lượng bán hàng, sử dụng các công cụ động viên khích lệ sao cho có hiệu quả và kiểm tra đánh giá kết quả đạt được trong hoạt động bán hàng.

40. Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh

3TC

Học phần cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản bao gồm: Khái niệm kinh doanh, khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh, phương thức, quy trình và chiến lược khởi sự kinh doanh; lập kế hoạch kinh doanh. Ứng dụng các lý thuyết về khởi sự để phân tích, đánh giá, tạo lập doanh nghiệp và triển khai hoạt động của doanh nghiệp kinh doanh trên thị trường hiện nay

41. Quản trị kênh phân phối

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về phân phối sản phẩm; Môi trường và hành vi trong kênh phân phối; chiến lược, xây dựng, quản lý và

đánh giá hoạt động phân phối; các vấn đề chiến thuật trong quản trị kênh phân phối, hoạt động đánh giá hiệu quả kênh và một số loại kênh phân phối của các ngành kinh doanh đặc thù. Học phần sẽ cung cấp cho người học những kiến thức về quy trình và nội dung các hoạt động trong quản trị kênh phân phối, từ đó có thể hiểu và phân tích được các mối quan hệ và hành vi của kênh phân phối trong các loại hình doanh nghiệp khác nhau, cũng như có khả năng đưa ra quyết định về chiến lược, chiến thuật để xây dựng và vận hành kênh phân phối có hiệu quả

42. Marketing quốc tế

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về marketing quốc tế, các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh trong môi trường quốc tế của doanh nghiệp, cách thức tham gia và mở rộng thị trường quốc tế, các quyết định marketing như quyết định về sản phẩm, định giá, xúc tiến trên thị trường quốc tế và phát triển marketing cho hoạt động xuất nhập khẩu. Kết thúc học phần người học sẽ nắm được các kiến thức cơ bản về marketing quốc tế và có kỹ năng phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến marketing quốc tế, từ đó có thể lựa chọn được phương án tham gia thị trường quốc tế, đồng thời đưa ra các quyết định về cạnh tranh và marketing mix phù hợp

43. Quản trị chuỗi cung ứng 1

3TC

Học phần cung cấp kiến thức về chuỗi cung ứng và quản trị chuỗi cung ứng, dự báo nhu cầu và lập kế hoạch cụ thể. Học phần giới thiệu về tổ chức sản xuất, và thiết kế mạng lưới phân phối. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên công cụ để đo lường hiệu suất của chuỗi cung ứng toàn cầu qua mô hình tham chiếu hoạt động chuỗi cung ứng. Trong quá trình học, sinh viên được thực hành và luyện tập thông qua tiết thảo luận ở trên lớp.

44. Quản trị chuỗi cung ứng 2

3TC

Học phần Quản trị chuỗi cung ứng 2 cung cấp kiến thức về xu hướng chuỗi cung ứng thế kỷ 21, sản xuất, phân phối và vận chuyển chuỗi cung ứng. Học phần giới thiệu về hiệu ứng cái roi da và chuỗi cung ứng phối hợp, hình thành hệ thống thông tin hỗ trợ. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên công cụ để đo lường hiệu suất chuỗi cung ứng toàn cầu. Trong quá trình học, sinh viên được thực hành và luyện tập thông qua tiết thảo luận ở trên lớp

45. Vận tải đa phương tiện

3TC

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về lý thuyết về vận tải đa phương tiện; cơ sở pháp lý quốc tế và Việt Nam; tổ chức vận tải đa phương tiện; cơ sở vật chất kỹ thuật bao gồm hệ thống cơ sở hạ tầng, phương tiện và hệ thống thông tin quản lý phục vụ vận tải đa phương tiện; nghiên cứu về các mô hình vận tải đa phương tiện. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu thực tiễn hoạt động vận tải đa phương tiện tại Việt Nam.

46. Logistics quốc tế

3TC

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về logistics quốc tế, các tổ chức kiểm soát hoạt động và quản trị rủi ro trong môi trường logistics quốc tế. Đồng

thời tìm hiểu thị trường logistics của một số quốc gia như Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và thị trường các nước ASEAN.

47. Vận hành dịch vụ logistics

3TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về vận hành dịch vụ logistics, ngành dịch vụ logistics, vận hành dịch vụ logistics cho hàng xuất – nhập khẩu, vận hành dịch vụ phân phối hàng hóa thiết bị xuất nhập khẩu và nội địa, vận hành dịch vụ vận chuyển, vận hành dịch vụ cung cấp cho hãng tàu – dịch vụ cảng.

48. Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế

3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao nhận hàng hóa như các dịch vụ giao nhận hàng hóa, người giao nhận – trách nhiệm của người giao nhận, các phương thức giao nhận hàng hóa và các chứng từ có liên quan đến hoạt động giao nhận hàng hóa nói chung và hàng hóa xuất nhập khẩu nói riêng, thủ tục hải quan và quy trình giao nhận hàng hóa trong hoạt động vận tải bằng tất cả các phương thức vận tải. Hợp đồng trong kinh doanh vận tải hàng hóa; Hợp đồng trong kinh doanh thương mại quốc tế; Thủ tục hải quan và thanh toán quốc tế; Một số vấn đề liên quan đến thủ tục và quy trình vận tải hàng hóa bằng các phương thức vận tải.

49. Quản trị điều hành sản xuất

3TC

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: Các chi phí trong quản trị tồn kho; Các dạng và mô hình tồn kho – Các biện pháp giảm chi phí tồn kho; Những thông tin cần nắm vững khi hoạch định nhu cầu vật tư; Trình tự hoạch định nhu cầu vật tư; Các mô hình cung vật tư; Các khái niệm cơ bản; Nội dung quản trị điều hành sản xuất; Các phương pháp dự báo trong quản trị điều hành sản xuất; Những chiến lược thuần túy; Các phương pháp hoạch định tổng hợp.

50. Quản trị tài chính chuỗi cung ứng

3TC

Quản trị tài chính chuỗi cung ứng là môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng và quản trị tài chính chuỗi cung ứng; vốn, nguồn tài trợ vốn, chi phí, doanh thu, lợi nhuận trong hoạt động hoạt động chuỗi cung ứng; các hoạt động quản trị vốn bằng tiền, các khoản phải thu, vốn về hàng tồn kho của hoạt động chuỗi cung ứng; phân tích hiệu quả hoạt động hoạt động chuỗi cung ứng

51. Quản trị mua hàng toàn cầu

3TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị mua hàng toàn cầu, trang bị cho sinh viên kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp, phân tích và đánh giá, giải quyết vấn đề nhanh chóng và hiệu quả, làm việc nhóm, quản lý nhóm, phát triển khả năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, thuyết trình, viết bài luận và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động mua hàng toàn cầu. Đồng thời, học phần tạo giúp sinh viên phát triển tư duy chủ động, năng động và sáng tạo, có khả năng phân tích, tổng hợp và đánh giá, kết hợp giữa lý luận và thực tiễn

52. Kinh doanh quốc tế

3TC

Học phần cung cấp cho người học các vấn đề cơ bản của kinh doanh quốc tế như: Tổng quan về kinh doanh quốc tế; ảnh hưởng các yếu tố môi trường vĩ mô đến kinh doanh quốc gia; môi trường thương mại và đầu tư toàn cầu; chiến lược kinh doanh quốc tế; các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế

53. Quản trị công nghệ

3TC

Học phần quản trị công nghệ cung cấp cho người học các vấn đề về công nghệ và quản trị công nghệ, phương pháp đánh giá và sử dụng các chỉ tiêu để lựa chọn công nghệ, phân tích năng lực công nghệ trong doanh nghiệp, quá trình đổi mới và quản lý đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp, nguyên nhân chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Từ đó, đánh giá tình hình sử dụng công nghệ của doanh nghiệp và hoạch định chiến lược công nghệ cho doanh nghiệp logistics phát triển trong tương lai

54. Thực tập tốt nghiệp

6TC

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm làm việc thực tế tại các cơ quan quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương liên quan đến việc hoạch định chính sách cho hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng, các cơ quan nghiên cứu và các tổ chức quốc tế có liên quan đến logistics và quản lý chuỗi cung ứng; giúp sinh viên định hướng tốt hơn về việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai.

55. Khóa luận tốt nghiệp

6TC

56. Quản trị doanh nghiệp Logistics

3TC

Nội dung đề cập trong học phần bao gồm: Giới thiệu những kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp, các trường phái quản trị doanh nghiệp; đặc điểm và vai trò của doanh nghiệp logistics trong nền kinh tế quốc dân, phân tích ảnh hưởng của môi trường kinh doanh đến doanh nghiệp logistics, từ đó đề xuất biện pháp khai thác môi trường kinh doanh hiệu quả, tổ chức bộ máy kinh doanh của doanh nghiệp logistics. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp logistics, quản trị các nghiệp vụ kinh doanh logistics, quản trị nhân sự, quản trị chi phí, quản trị rủi ro trong doanh nghiệp logistics.

57. Hệ thống thông tin dịch vụ logistics

3TC

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin dịch vụ Logistics. Học phần giới thiệu tổng quan về hệ thống thông tin Logistics, hệ thống thông tin hỗ trợ dịch vụ logistics, mô hình ứng dụng công nghệ thông tin trong doanh nghiệp, hệ thống thông tin dịch vụ Logistics. Đồng thời, học phần còn trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng để ứng dụng xây dựng hệ thống thông tin của các công ty logistics tại Việt Nam.

3.7. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

3.7.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

a) Phòng học, giảng đường, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích (m2)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy				Ghi chú
				Tên thiết bị	SL	Phục vụ học phần/ môn học	Diện tích (m2)	
1	Phòng học	171	13.827	Máy chiếu	121	- Tất cả các môn	13.827	
				Màn chiếu	121			
				Bảng chống loá	171			
				Bàn giáo viên	171			
				Bàn học sinh	4.600			
2	Phòng máy 701	1	103	Máy vi tính DELL	54	Các môn tin học		
				Máy chiếu đa năng Sony	1			
				Thiết bị hỗ trợ trình chiếu Avov	2			
				Switch Dell™ 24 Port Gigabit Ethernet with 2 Fiber Uplink Ports slot	02			
				Acces Point Cisco truy cập không dây từ xa	02			
				Phần mềm Virus có bản quyền	41			
				Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu có bản quyền				
				Microsoft SQLSvrStd 2012 SNGL OLP NL Acdmc	01			
				Microsoft SQLCAL 2012 SNGL OLP NL Acdmc UsrCAL	05			
3	Phòng máy 810	1	103	Máy Vi tính DELL	50	Các môn tin học	103	
				Máy chiếu đa năng SONY	1			
				Thiết bị hỗ trợ trình chiếu AVOV	1			
				Cable mạng AMP Category 6 UTP Cable	4			
				Wall Place AMP đôi	25			
				Phần mềm kế toán				
				Phần mềm kế toán DN MISA	1			
				Phần mềm KTHCSN Misa	1			
4	Phòng 901	1	103	Máy vi tính DELL	57	Các môn tin học	103	
				Máy chủ Server Dell™ Rack Mount PowerEdge™ + Hệ điều hành cho máy chủ	1			
				Máy chiếu đa năng Sony	1			

b) Thông tin Thư viện

Tổng diện tích thư viện: 832 m² trong đó diện tích các phòng đọc: 440 m²

Số chỗ ngồi: 300

Số lượng máy tính phục vụ tra cứu: 100 máy

Phần mềm quản lý thư viện: iLibme 8.0

Thư viện điện tử: Đã kết nối với thư viện Đại học TNMT T.HCM các chương trình Fulbright, Cranfield University, Ohidink DRC Bowling Green State University, Đại học An Giang, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Bách khoa TP Hồ Chí Minh, nhóm trường Kiến trúc, nhóm trường Quản trị kinh doanh, nhóm trường Sư phạm, nhóm trường Y dược.

Thư viện trường có đủ số lượng sách, giáo trình của trường: 14.911 đầu sách, giáo trình, tài liệu tham khảo.

c) Danh mục giáo trình phục vụ đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
1	Triết học Mác - Lênin	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình triết học Mác-Lênin</i> , dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin</i> , dành cho bậc đại học khối không chuyên lý luận chính trị, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học</i> , dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1. Bộ giáo dục và đào tạo (2021), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
6	Tiếng Anh 1	1. Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). <i>New Cutting Edge, Elementary</i> . Harlow: Pearson Longman.
7	Tiếng Anh 2	1. Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). <i>New Cutting Edge – Pre-Intermediate</i> . Harlow: Pearson Longman.
8	Tiếng Anh 3	1. Comyns Carr, J., Cunningham, S., & Moor, P. (2005). <i>New Cutting Edge – Pre-Intermediate</i> . Harlow: Pearson Longman.
9	Pháp luật đại cương	1. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2015), <i>Pháp luật đại cương</i> , NXB. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. 2. Bộ Giáo dục và đào tạo (2014), Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (<i>Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT</i> ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) 3. Nguyễn Minh Đoan (2016), <i>Lý luận Nhà nước và Pháp luật</i> ; NXB. Công An Nhân Dân, Hà Nội

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
10	Tin học đại cương	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phạm Thị Anh Lê (2014), <i>Giáo trình Tin học đại cương (tập 1,2,3)</i>, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm. 2. Phạm Quang Huy (2019), <i>Tin học văn phòng Microsoft Office dành cho người bắt đầu</i>, Nhà xuất bản Thanh niên. 3. Phạm Quang Hiên (2019), Phạm Phương Hoa, <i>Giáo trình thực hành Excel</i>, Nhà xuất bản Thanh niên.
11	Kinh tế vi mô	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Nguyễn Gia Thọ, Phạm Thị Ngoan, Đào Thị Thương (2018), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i>, Nhà xuất bản xây dựng. 2. Đỗ Thị Dinh, Nguyễn Gia Thọ, Tống Thị Thu Hòa, Cao Thị Bích Ngọc, Vũ Quang Hải (2020), <i>Hướng dẫn thực hành kinh tế vi mô</i>, NXB Lao động – Xã hội.
12	Kinh tế vĩ mô	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Cao Thị Bích Ngọc, Vũ Quang Hải (2021), <i>GT Kinh tế vĩ mô</i>, NXB Lao động – Xã hội. 2. Đỗ Thị Dinh, Tống Thị Thu Hòa, Cao Thị Bích Ngọc, Vũ Quang Hải (2021), <i>Hướng dẫn thực hành Kinh tế vĩ mô</i>, NXB Lao động – Xã hội.
13	Toán kinh tế	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phùng Duy Quang (chủ biên)-Nguyễn Dương Nguyễn, 2012, <i>Toán cao cấp ứng dụng trong phân tích kinh tế</i>, Nhà xuất bản Sư phạm. 2. Hoffmann, Bradley, Sobecki, Price, 2020, <i>Giải tích cho kinh doanh, kinh tế học, khoa học sự sống và xã hội</i>, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
14	Kinh tế số	1. TS Đặng Thị Việt Đức (2020), <i>GT Kinh tế số thực trạng và hướng phát triển tại Việt Nam</i> , Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam
15	Khởi sự kinh doanh	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Ngọc Huyền (2012), <i>Giáo trình Khởi sự kinh doanh</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Lưu Đan Thọ (2016), <i>Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh</i>, NXB Tài chính
16	Nguyên lý kế toán	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Hoàn, Phạm Xuân Kiên (2018), <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i>, NXB Lao động xã hội 2. Bộ Tài chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, NXB Tài chính 3. Phan Đức Dũng (2014), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam và các Thông tư hướng dẫn chuẩn mực</i>, NXB Thống kê
17	Quản trị học	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Hoàn (2019), <i>Giáo trình Quản trị học</i>, NXB Khoa học và kỹ thuật. 2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2012), <i>Quản trị học</i>, NXB Văn hóa - Nghệ thuật
18	Tài chính tiền tệ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đinh Xuân Hạng, Phạm Ngọc Dũng (2011), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Tài chính. 2. Cao Thị Ý Nhi, Đặng Anh Tuấn (2018), <i>Giáo trình Lý thuyết Tài chính tiền tệ</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân 3. Lê Thị Mận (2014), <i>Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Lao động Xã hội. .
19	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Mạnh Quân (2015), <i>Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Dương Thị Liễu (2013), <i>Văn hóa kinh doanh</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
20	Quản trị chất lượng	1. Nguyễn Đình Phan (2012), <i>Giáo trình Quản trị chất lượng</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Nguyễn Văn Chiên (2014), <i>Quản lý chất lượng sản xuất ở Việt Nam</i> , NXB Khoa học và Kỹ Thuật
21	Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	1. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</i> , NXB Tài chính. 2. Nguyễn Đăng Bình, Nguyễn Văn Dự (2010), <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học</i> , NXB Khoa học và Kỹ thuật.
22	Logistics căn bản	1. Đoàn Thị Hồng Vân (2010), <i>Logistics: Những vấn đề cơ bản</i> , Nhà xuất bản Lao động - Xã hội. 2. Đặng Đình Đào, Trần Văn Bảo, Phạm Cảnh Huy, Đặng Thị Thuý Hồng (2018), <i>Quản trị Logistics</i> , Nhà xuất bản tài chính
23	Quản lý kho hàng bến bãi	1. TS. Phan Thanh Lâm (2014), <i>Cẩm nang quản trị kho hàng</i> , Nhà xuất bản phụ nữ. 2. TS. Nguyễn Thị Phương (2010), <i>Khai thác cảng đường thủy</i> , NXB Giao thông vận tải
24	Quản lý rủi ro và an toàn trong cung ứng	1. Nguyễn Thành Hiếu (2015), <i>Quản trị chuỗi cung ứng</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Gregory L. Schlegel, Robert J. Trent (2014), <i>Supply Chain Risk Management: An Emerging Discipline (Resource Management)</i> , CRC Press. 3. Lê Công Hoa (2012), <i>Quản trị hậu cần</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
25	Kinh doanh logistics	1. Đoàn Thị Hồng Vân (2010), <i>Logistics những vấn đề cơ bản</i> , NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội. 2. Đặng Đình Đào, Tạ Văn Lợi, Nguyễn Minh Sơn, Đặng Thị Thuý Hồng (2019), <i>Dịch vụ Logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế</i> , NXB Dân Trí. 3. Lê Công Hoa (2012), <i>Logistics management</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
26	Nghiệp vụ ngoại thương	1. Tạ Lợi (2019), <i>Giáo trình Nghiệp vụ ngoại thương</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 2. Phạm Thị Hồng Yến (2012), <i>Giáo trình Kinh doanh quốc tế</i> , NXB Thống kê.
27	Tiếng anh chuyên ngành	1. Pileam, A. & O'Driscoll, N. (2010), <i>Market Leader-Logistics Management</i> . Harlow: Pearson Longman.
28	Quản trị nguồn nhân lực	1. Mai Thanh Lan, Nguyễn Thị Minh Nhàn (2016), <i>Giáo trình quản trị nhân lực căn bản</i> , NXB Thống kê. 3. Nguyễn Ngọc Quân (2012), <i>Quản trị nhân lực</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 4. Trần Kim Dung (2015), <i>Quản trị nguồn nhân lực</i> , NXB Tổng hợp TPHCM.
29	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	1. Brian Tracy (2018), <i>Nghệ thuật quản lý thời gian</i> , NXB Lao động 2. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), <i>Giáo trình kỹ năng mềm – Tiếp cận theo hướng sự phạm tương tác</i> , NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
30	Tham quan nhận thức 1	1. Giáo trình và tài liệu học tập liên quan đến các học phần trước. 2. Tài liệu kèm theo từ đơn vị tham quan nhận thức.
31	Tham quan nhận	1. Giáo trình và tài liệu học tập liên quan đến các học phần trước.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
	thức 2	2. Tài liệu kèm theo từ đơn vị tham quan nhận thức.
32	Thực tập nghề nghiệp 1	1. Giáo trình của các học phần trước. 2. Tài liệu học tập có liên quan đến các học phần trước.
33	Thực tập nghề nghiệp 2	1. Giáo trình của các học phần trước. 2. Tài liệu học tập có liên quan đến các học phần trước.
34	Thực tập nghề nghiệp 3	1. Giáo trình của các học phần trước. 2. Tài liệu học tập có liên quan đến các học phần trước.
35	E- Logistics	1. Trần Văn Hòe (2015), <i>Giáo trình Thương mại điện tử căn bản</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân 2. Đoàn Thị Hồng Vân (2010), <i>Logistics: Những vấn đề cơ bản</i> , NXB Lao động – Xã hội.
36	Nghiep vụ hải quan	1. Hoàng Trần Hậu, Nguyễn Thị Thương Huyền (2011), <i>Giáo trình Hải quan cơ bản</i> , NXB Tài chính. 2. Nguyễn Thừa Lộc (2008), <i>Luật hải quan Việt Nam và quốc tế</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
37	Địa lý vận tải	1. Jean –Paul Rodrigue, Claude Comtois, Brian Slack (2013), <i>The Geography of Transport Systems</i> , NXB Routledge. 2. Lê Thông, Nguyễn Minh Tuệ (2011), <i>Địa lý Dịch vụ - Tập 1: Địa lý giao thông vận tải</i> , NXB Đại học sư phạm.
38	Thanh toán quốc tế	1. Trần Văn Hòe (2011), <i>Giáo trình tín dụng và thanh toán thương mại quốc tế</i> , NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân 2. Tạ Văn Lợi (2019), <i>Giáo trình Nghiệp vụ ngoại thương</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Nguyễn Văn Tiến (2014), <i>Cẩm nang thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương</i> , NXB Thống Kê
39	Quản trị bán hàng	1. Vũ Minh Đức, Vũ Huy Thông (2018), <i>Giáo trình Quản trị bán hàng</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 2. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Quản trị học</i> , NXB Lao động..
40	Khởi tạo doanh nghiệp kinh doanh	1. Nguyễn Ngọc Huyền (2012), <i>Giáo trình Khởi sự kinh doanh</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Lưu Đan Thọ (2016), <i>Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh</i> , NXB Tài chính.
41	Quản trị kênh phân phối	1. Trương Đình Chiến (2012), <i>Quản trị kênh phân phối</i> , NXB ĐH Kinh tế quốc dân 2. Trương Đình Chiến (2013), <i>Quản trị Marketing</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
42	Marketing quốc tế	1. Trần Minh Đạo, Vũ Trí Dũng (2012), <i>Marketing quốc tế</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 2. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Marketing căn bản</i> , NXB Thống kê. 3. Trương Đình Chiến (2013), <i>Quản trị Marketing</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân
43	Quản trị chuỗi cung ứng 1	1. Micheal M.Hugos (2017), <i>Nguyên lý Quản trị chuỗi cung ứng, dịch bởi Phan Đình Mạnh</i> , NXB Thế giới. 2. Nguyễn Thành Hiếu (2015), <i>Quản trị chuỗi cung ứng</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
44	Quản trị chuỗi cung ứng 2	1. Nguyễn Thành Hiếu (2015), <i>Quản trị chuỗi cung ứng</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 2. Micheal M.Hugos (2017), <i>Nguyên lý Quản trị chuỗi cung ứng, dịch bởi Phan Đình Mạnh</i> , NXB Thế giới.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
45	Vận tải đa phương tiện	1. PGS.TS Nguyễn Như Tiến (2011), <i>Giáo trình vận tải và giao nhận trong ngoại thương</i> , NXB Khoa học kỹ thuật. 2. TS Đỗ Quốc Dũng (2015), <i>Giao nhận vận tải và bảo hiểm</i> , NXB Tài chính
46	Logistics quốc tế	1. PGS.TS. Từ Sỹ Sùa (2015), <i>Quản lý Logistics quốc tế</i> , NXB Giao thông vận tải. 2. Pierre A. David, Richard D. Stewart (2018), <i>International Logistics: The Management of International Trade Operations</i> , 5th edition, Cicero Books LLC.
47	Vận hành dịch vụ logistics	1. GS.TS. NGUYỄN ĐẶNG ĐÌNH ĐÀO, PGS.TS Tạ Văn Lợi, TS. Nguyễn Minh Sơn, TS Đặng Thị Thúy Hằng (2019), <i>Dịch vụ Logistics ở Việt Nam trong tiến trình hội nhập quốc tế</i> , NXB Dân Trí 2. PGS.TS. Hoàng Trần Hậu & PGS.TS Nguyễn Thị Thương Huyền (2011), <i>Giáo trình Hải quan cơ bản</i> , NXB Tài chính.
48	Nghiệp vụ giao nhận và vận tải hàng hóa quốc tế	1. Đặng Đình Đào, Trần Văn Bảo, Phạm Cảnh Huy, Đặng Thị Thúy Hồng (2018), <i>Quản trị Logistics</i> , NXB Tài chính 2. Nguyễn Như Tiến (2011), <i>Giáo trình Vận tải và giao nhận trong ngoại thương</i> , NXB Khoa học và kỹ thuật.
49	Quản trị điều hành sản xuất	1. Đồng Thị Thanh Phương (2015), <i>Giáo trình quản trị điều hành sản xuất</i> , Nhà xuất bản Thống Kê.
50	Quản trị tài chính chuỗi cung ứng	1. Nguyễn Trung Trực (2015), <i>Giáo trình quản trị tài chính</i> , NXB Kinh tế TPHCM 2. Nguyễn Thành Hiếu (2015), <i>Giáo trình Quản trị chuỗi cung ứng</i> , NXB Đại học kinh tế quốc dân. 3. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Tài chính doanh nghiệp</i> , NXB Lao động.
51	Quản trị mua hàng toàn cầu	1. GS.TS Đoàn Thị Hồng Vân, ThS Kim Ngọc Đạt (2016), <i>Giáo trình Quản trị xuất nhập khẩu</i> , NXB Kinh tế TP.HCM. 2. PGS.TS Ngô Kim Thanh (2012), <i>Giáo trình Quản trị chiến lược</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 3. TS Nguyễn Thành Hiếu (2015), <i>Quản trị chuỗi cung ứng</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
52	Kinh doanh quốc tế	1. Tạ Lợi, Nguyễn Thị Hương (2017), <i>Giáo trình kinh doanh quốc tế</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 2. Ngô Kim Thanh (2015), <i>Quản trị chiến lược</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân. 3. Phạm Duy Liên (2012), <i>Giáo trình Giao dịch thương mại quốc tế</i> , NXB Thống kê.
53	Quản trị công nghệ	1. Bộ môn Quản lý công nghệ (2013), <i>Quản lý công nghệ</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
54	Thực tập tốt nghiệp	1. Giáo trình và tài liệu học tập liên quan đến các học phần trước 2. Tài liệu kèm theo từ cơ quan thực tập.
55	Khóa luận tốt nghiệp	

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
56	Quản trị doanh nghiệp Logistics	1. GS.TS Đặng Đình Đào, PGS.TS Trần Văn Bảo, TS Phạm Cảnh Huy, TS. Đặng Thị Thuý Hồng (2018), <i>Giáo trình Quản trị Logistics</i> , NXB Lao động – Xã hội. 2. PGS.TS Ngô Kim Thanh (2013), <i>Giáo trình Quản trị doanh nghiệp</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân. 3. TS. Nguyễn Thành Hiếu (2015), <i>Quản trị chuỗi cung ứng</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
57	Hệ thống thông tin dịch vụ logistics	1. Đàm Gia Mạnh (2017), <i>Giáo trình Hệ thống thông tin quản lý</i> , Nhà xuất bản thống kê. 2. An Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thông Thái (2018), <i>Quản trị Logistics kinh doanh</i> , Nhà xuất bản Hà Nội. 3. Đoàn Thị Hồng Vân (2010), <i>Logistics, những vấn đề cơ bản</i> , Nhà xuất bản Lao Động Xã hội.

3.7.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

STT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
1	Đỗ Thị Dinh	Tiến sĩ	Kinh tế phát triển	Khoa KTTN&MT
2	Cao Thị Bích Ngọc	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Khoa KTTN&MT
3	Phạm Thị Ngoan	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Khoa KTTN&MT
4	Trần Thu Hằng	Thạc sĩ	Kinh tế	Khoa KTTN&MT
5	Đào Thị Thanh Thuý	Thạc sĩ	Kế toán	Khoa KTTN&MT
6	Vũ Thị Ánh Tuyết	Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh	Khoa KTTN&MT
7	Nguyễn Khánh Ly	Thạc sĩ	Tài chính- ngân hàng	Khoa KTTN&MT
8	Vũ Thị Nhung	Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế	Khoa KTTN&MT
9	Đặng Thị Hiền	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Khoa KTTN&MT
10	Bùi Thị Thu	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh	Khoa KTTN&MT
11	Vũ Quang Hải	Thạc sĩ	Kinh tế quốc tế	Khoa KTTN&MT
12	Chu Lâm Sơn	Thạc sĩ	Kinh doanh thương mại	Khoa KTTN&MT
13	Đào Thị Thương	Thạc sĩ	Thương mại	Khoa KTTN&MT
14	Vũ Thị Hoàng Yến	Tiến sĩ	Tài chính- ngân hàng	Khoa KTTN&MT
15	Nguyễn Thị Thu Hà	Tiến sĩ	Kinh tế quốc tế	Khoa KTTN&MT
16	Lê Thị Bích Lan	Thạc sĩ	Kinh tế	Khoa KTTN&MT
17	Tổng Thị Thu Hòa	Thạc sĩ	Quản lý Kinh tế	Khoa KTTN&MT
18	Nguyễn Văn Dung	Thạc sĩ	Kinh tế	Khoa KTTN&MT
19	Trần Tuấn Anh	Thạc sĩ	Quản trị công nghiệp	Khoa KTTN&MT

3.8. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành; 50÷80 giờ thực tập; tiểu luận, bài tập lớn hoặc khoá luận tốt nghiệp.
- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.
- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).
- Khối lượng học tập của mỗi sinh viên (trừ các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng) trong mỗi học kỳ quy định như sau: Khối lượng tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; Khối lượng tối đa không vượt quá 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn. Việc đăng ký và tổ chức các lớp học phần sẽ học phải đảm bảo điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự của mỗi chương trình đào tạo.

3.9. Chương trình trong và ngoài nước đã tham khảo để xây dựng chương trình

- Chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, trình độ đại học chính quy, trường ĐH Kinh tế quốc dân.
- Chương trình đào tạo chuyên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, trình độ đại học chính quy, trường ĐH Ngoại thương.
- Chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, trình độ đại học chính quy, trường ĐH RMIT, Australia.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Vũ Danh Tuyên

Hà Nội, ngày tháng năm
TRƯỞNG KHOA



TS. Nguyễn Hoàn